(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

SỞ LAO ĐỘNG TB&XH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
DÂN TỘC NỘI TRÚ KHÁNH VĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /QĐ-TCNDTNT

Khánh Vĩnh, ngày 12 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-SLĐTBXH ngày 07/01/2020 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh. (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính, Kế toán và các Phòng, Khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- *Sở LĐ-TB&XH*
- *Lưu :VT, TC-HC;*

HIỆU TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ DÂN TỘC NỘI TRÚ KHÁNH VĨNH

Kiều Xuân Khiêm

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh
Chương: 424

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-TCNDTNT ngày 12 / 01/2021
của Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	**1.353,0**
	- Học phí TCN	*1.299*
	- Thu đào tạo tự do	*30*
	- Thu khác	*24*
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**1.351,9**
	- Học phí TCN	*1.299*
	- Thu đào tạo tự do	*29,4*
	- Thu khác	*23,5*
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**1,1**
	- Thu đào tạo tự do	*0,6*
	- Thu khác	*0,5*
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**9.005,0**
A	**Loại 070-091: Kinh phí không tự chủ - Nguồn 12**	**90**
	- KP hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018	90
B	**Loại 070-0912**	
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**8.915,0**
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên – Mã nguồn 0113**	**3.187,0**
	Kinh phí hoạt động theo định mức	*1208*
	Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	*1.979*
1.2	**Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương-Mã nguồn 0114**	**134,0**
	10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL	*134,0*
1.3	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**5.594,0**
	Bổ sungchế độ lễ, tết Nguyên đán	*39*
	Cấp bù học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP	*1.299*
	Học bổng học sinh DTTS	*3.946*
	Hỗ trợ khác theo Quyết định 53/2015/QĐ-TTg	*138*
	Kinh phí hoạt động của ký túc xá phục vụ học sinh ở nội trú	*172*